THỰC TRẠNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM CHO HỌC SINH LỚP 3 TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Trần Bình*, Nguyễn Thị Hải Duyên**
***Trường Tiểu học Chi Lăng, phường Thông Tây Hội, TPHCM**
****Khóa 31, Trường Đại học Vinh**

Tóm tắt: *Bài viết xem xét thực trạng xây dựng hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm cho học sinh lớp 3 tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

Từ khóa: *bài tập, học sinh lớp 3, tiểu học*

CURRENT SITUATION OF DEVELOPING AN EXERCISE SYSTEM TO FOSTER PARAGRAPH WRITING SKILLS FOR GRADE 3 STUDENTS IN PRIMARY SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY

Abstract: *This study examines the current state of developing a system of exercises designed to enhance Grade 3 students' expressive paragraph writing skills in primary schools across Ho Chi Minh City.*

Keywords: *exercises, Grade 3 students, primary school.*

Nhận bài: 11/05/2026 *Phản biện: 11/06/2026* *Duyệt đăng: 14/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn biểu cảm được đưa vào nội dung viết đoạn văn trong chương trình Tiếng Việt lớp 3 như một kiểu văn bản mới, mở ra không gian sáng tạo và bộc lộ cảm xúc cho học sinh. Tuy nhiên, do là nội dung mới, việc tổ chức dạy học viết đoạn văn biểu cảm vẫn còn nhiều lúng túng, đặc biệt trong việc định hướng cho học sinh cách phát triển ý tưởng, lựa chọn từ ngữ và sử dụng phương tiện tu từ để biểu đạt cảm xúc một cách sinh động, sâu sắc.

Thực tế cho thấy, học sinh lớp 3 thường gặp khó khăn trong việc tạo lập một đoạn văn biểu cảm đúng cấu trúc, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng và mang dấu ấn cá nhân. Phần lớn các bài viết vẫn còn khô khan, thiên về kể lại sự việc, thiếu cảm xúc và tính sáng tạo. Ngoài ra, các giờ viết thường sử dụng phương pháp minh họa – làm mẫu quá nặng nề, khiến học sinh lệ thuộc vào khuôn mẫu có sẵn, làm giảm khả năng tư duy độc lập và phát triển ngôn ngữ cá nhân.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cũng nhấn mạnh vai trò của kĩ năng viết trong việc rèn luyện tư duy, phát triển ngôn ngữ, bồi dưỡng nhân cách và hình thành năng lực sáng tạo. Tuy nhiên, để đạt được yêu cầu đó, cần có những công cụ sư phạm cụ thể, thiết thực – đặc biệt là hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng viết phù hợp với trình độ và tâm lí lứa tuổi.

Chính từ yêu cầu thực tiễn và định hướng đổi mới giáo dục, việc xây dựng một hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm cho học sinh lớp 3 là điều cần thiết. Đề tài này không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt, phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ và phẩm chất nhân văn cho học sinh tiểu học.

II. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM CHO HỌC SINH LỚP 3 TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Chương trình và sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 3 về nội dung dạy học văn biểu cảm

2.1.1. Yêu cầu cần đạt về viết đoạn văn biểu cảm trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3

Theo CT GDPT môn Tiếng Việt lớp 3 yêu cầu cần đạt về nội dung viết đoạn văn biểu cảm có mức độ yêu cầu cao dần theo từng lớp học.

+ Lớp 2: Dựa vào gợi ý viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của bản thân trước sự việc hoặc đối với người thân.

+ Lớp 3: Dựa vào gợi ý viết đoạn văn ngắn nêu cảm xúc, tình cảm về cảnh vật, về con người.

+ Lớp 4: Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một người thân thiết, gần gũi hoặc một nhân vật trong văn học.

+ Lớp 5: Trước một câu chuyện, một bài thơ, viết đoạn văn thể hiện cảm xúc, tình cảm của bản thân.

Nội dung về văn biểu cảm ở lớp 3 chủ yếu xoay quanh chủ đề con người, cảnh vật: đoạn văn biểu cảm về con người thường hướng tới những đối tượng gần gũi, quen thuộc như: người thân, bạn bè, thầy cô, nhân vật yêu thích, đã đọc, đã

nghe. Còn đoạn văn biểu cảm về cảnh vật chủ yếu hướng đến cảnh vật của quê hương, cảnh đẹp đất nước, cảnh vật được gợi ra từ tranh ảnh, câu chuyện, bài thơ.

Theo từng lớp, HS cần đạt được những yêu cầu sau về quy trình viết:

+ Lớp 2 HS qua trả lời các câu hỏi để xác định nội dung: "Viết về cái gì?", căn cứ vào hướng dẫn từ giáo viên, viết nháp, biết sửa lỗi dấu câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

+ Lớp 3, HS viết được theo từng bước: nội dung viết cần được xác định (viết về cái gì), xác định một số ý chính, viết đoạn văn, chỉnh sửa lỗi sai (dấu câu, viết hoa, dùng từ, đặt câu) trên cơ sở từ gợi ý.

+ Lớp 4, HS viết được theo các bước: nội dung cần viết (viết về cái gì), nghiên cứu, tìm kiếm tư liệu viết, xác định các ý chính cho đoạn, bài viết, viết thành đoạn văn, bài văn, chỉnh sửa lỗi sai (chính tả, bố cục, dùng từ, đặt câu); đáp ứng được yêu cầu về kết cấu văn bản bao gồm mở đầu, nội dung triển khai các ý, kết thúc mang tính gắn kết giữa các đoạn, các câu trong quá trình viết đoạn văn, bài văn phản ánh về ý tưởng, chủ đề nào đó.

+ Đối với lớp 5, HS viết được theo các bước: xác định được nội dung, mục đích viết (viết về cái gì, để làm gì), thu thập tài liệu phục vụ viết, xác định các ý chính, xây dựng dàn ý, viết đoạn, bài, chỉnh sửa lỗi sai (chính tả, bố cục, dùng từ, đặt câu); Viết được đoạn văn hoàn chỉnh, chủ đề được viết thể hiện mạch lạc, rõ ràng, phù hợp với các thông tin chính, yêu cầu kiểu, loại, có tính liên kết giữa các câu, các đoạn.

2.1.2. Nội dung dạy học viết đoạn văn biểu cảm trong các bộ sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3

a) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Bảng 1.1. Bảng thống kê nội dung dạy học văn biểu cảm trong SGK Tiếng Việt 3 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Tuần	Nội dung dạy học văn biểu cảm
1	4	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn
2	5	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với người mà em yêu quý
3	12	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em với người thân
4	21	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật trong tranh
5	22	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật
6	28	Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em với cảnh đẹp quê hương
7	29	Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em về một cảnh đẹp của quê hương đất nước

Với bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, các bài thực hành viết đoạn văn biểu cảm về con người được dạy trong 3 tuần, đối tượng biểu cảm thường là người thân, bạn bè – những người gần gũi, quen thuộc trong cuộc sống của HS.

Các bài thực hành viết đoạn văn biểu cảm về cảnh vật được phân bố trong 4 tuần gồm: cảnh vật trong tranh, cảnh vật quê hương và cảnh đẹp đất nước.

b) Bộ sách Cánh Diều

Bảng 1.2. Bảng thống kê nội dung dạy học văn biểu cảm trong SGK Tiếng Việt 3 bộ sách Cánh Diều

STT	Tuần	Nội dung dạy học văn biểu cảm
1	19	Viết về cảnh đẹp non sông
2	20	Viết một đoạn văn ngắn về cảnh đẹp(Góc sáng tạo)
3	28	Viết về người anh hùng
4	29	Viết đoạn văn hoặc bài thơ ngắn về một chiến sĩ quân đội(Góc sáng tạo)

Bộ sách Cánh Diều thiết kế 02 bài thực hành viết đoạn văn biểu cảm về con người – nhân vật anh hùng và cảnh đẹp của quê hương đất nước. Ngoài ra, sách còn thiết kế 02 bài thực hành viết đoạn văn biểu cảm trong Hoạt động Góc sáng tạo.

c) Bộ sách Chân trời sáng tạo

Bảng 1.3. Bảng thống kê nội dung dạy học văn biểu cảm trong SGK Tiếng Việt 3 bộ sách Chân trời sáng tạo

STT	Tuần	Nội dung dạy học văn biểu cảm
1	10	Tìm ý và nhận diện đối với bài văn viết về tình cảm với người bạn hoặc thầy cô giáo
2	11	Luyện tập viết về tình cảm với một người bạn hoặc thầy cô giáo
3	21	Tìm ý và nhận diện cho đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm với nhân vật trong phim hoạt hình hoặc một nghệ sĩ.
4	22	Từ một nhân vật trong phim hoạt hình hoặc một nghệ sĩ, luyện tập viết đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm về vấn đề đó
5	28	Tìm ý và nhận diện đối với đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm về nơi em ở hoặc cảnh đẹp của quê hương
6	29	Luyện tập viết đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm của bản thân về nơi em ở hoặc một cảnh đẹp ở quê hương
7	30	Tìm ý và nhận diện đối với đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm về nơi em ở hoặc cảnh đẹp của đất nước
8	31	Luyện tập viết đoạn văn nêu cảm xúc, tình cảm về cảnh đẹp của đất nước Việt Nam

Bộ sách Chân trời sáng tạo thiết kế các bài học theo trình tự nhận diện, tìm ý rồi thực hành viết; nội dung viết đoạn văn biểu cảm hướng tới con người (bạn bè, thầy cô, nghệ sĩ, nhân vật hoạt hình) và cảnh vật (cảnh đẹp nơi em ở, cảnh đẹp Việt Nam). Nhìn chung, mỗi bộ sách có cách tiếp cận riêng đối với kiểu bài này. Trong nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn bộ Tiếng Việt 3 – Kết nối tri thức với cuộc sống vì nội dung được thiết kế rõ ràng với 7 tiết luyện viết đoạn văn biểu cảm về con người (người thân, bạn bè, thầy cô) và cảnh vật (quê hương, đất nước, tranh, thơ, truyện). Các đề bài ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với học sinh lớp 3.

2.2. Thực trạng xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm cho học sinh lớp 3 của giáo viên

2.2.1. Thực trạng sử dụng các dạng bài tập trong dạy học viết đoạn văn biểu cảm

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên chủ yếu sử dụng các dạng bài tập có cấu trúc rõ ràng như trả lời câu hỏi gợi ý, tìm từ ngữ biểu cảm và viết đoạn văn theo chủ đề, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 3. Trong khi đó, các bài tập yêu cầu học sinh chia sẻ cảm xúc từ trải nghiệm thực tế hoặc hoàn thiện đoạn văn được sử dụng ít hơn do khó tổ chức và đánh giá. Điều này cho thấy hệ thống bài tập còn chưa đa dạng, chủ yếu tập trung vào các hình thức luyện tập truyền thống và chưa khai thác hiệu quả các hoạt động trải nghiệm để phát triển năng lực biểu cảm của học sinh.

2.2.2. Thực trạng mục đích sử dụng hệ thống bài tập

Kết quả khảo sát cho thấy 88,6% giáo viên sử dụng hệ thống bài tập để luyện tập kĩ năng, 77,1% để củng cố bài học, 68,6% nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, 62,9% để hình thành kiến thức mới và 42,9% cho mục đích kiểm tra, đánh giá. Điều này cho thấy giáo viên nhận thức rõ vai trò của bài tập trong rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm, đặc biệt chú trọng hoạt động thực hành. Tuy nhiên, việc sử dụng bài tập để kiểm tra, đánh giá còn hạn chế, cho thấy bài tập chủ yếu được dùng để luyện tập hơn là theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

2.2.3. Đánh giá hiệu quả của hệ thống bài tập

Kết quả khảo sát cho thấy 17,1% giáo viên đánh giá hệ thống bài tập rất hiệu quả, 48,6% đánh giá hiệu quả, 25,7% đánh giá bình thường, 8,6% đánh giá ít hiệu quả và không có ý kiến cho rằng không hiệu quả. Điều này cho thấy đa số giáo viên ghi nhận tác động tích cực của hệ thống bài tập đối với việc phát triển kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá ở mức rất hiệu quả còn thấp, phản ánh hệ thống bài tập hiện nay vẫn chưa thật sự đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực do còn thiếu tính hệ thống, chưa được thiết kế theo các mức độ phù hợp với đặc điểm học sinh lớp 3.

2.2.4. Những biểu hiện tiến bộ của học sinh sau khi thực hiện các bài tập

Kết quả khảo sát cho thấy: 82,9% giáo viên nhận thấy học sinh viết đúng cấu trúc đoạn văn hơn; 77,1% giáo viên nhận thấy học sinh diễn đạt cảm xúc rõ ràng hơn; 74,3% giáo viên nhận thấy học sinh hứng thú hơn với hoạt động viết; 68,6%

giáo viên đánh giá vốn từ của học sinh phong phú hơn; 62,9% giáo viên nhận thấy học sinh tự tin hơn khi trình bày ý kiến.

Những số liệu trên cho thấy hệ thống bài tập đã góp phần tích cực trong việc phát triển các thành tố của năng lực viết đoạn văn biểu cảm. Sự tiến bộ rõ nhất là khả năng viết đúng cấu trúc đoạn văn. Điều này chứng tỏ giáo viên đã chú trọng hướng dẫn học sinh các yêu cầu cơ bản về hình thức và bố cục đoạn văn.

Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh tự tin bộc lộ suy nghĩ và cảm xúc cá nhân vẫn chưa cao. Đây là dấu hiệu cho thấy việc rèn luyện chiều sâu cảm xúc và khả năng biểu đạt mang tính cá nhân vẫn còn là một thách thức trong dạy học viết đoạn văn biểu cảm ở lớp 3.

2.2.5. Những khó khăn của giáo viên trong quá trình xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên gặp nhiều khó khăn khi xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập: 85,7% cho rằng học sinh hạn chế vốn từ, 80% nhận định học sinh ngại bộc lộ cảm xúc, 71,4% gặp khó khăn trong lựa chọn nội dung, 68,6% thiếu thời gian thiết kế bài tập và 60% thiếu tài liệu tham khảo. Những khó khăn này xuất phát từ cả học sinh và giáo viên: học sinh còn nghèo vốn từ, ít trải nghiệm và thiếu tự tin khi diễn đạt cảm xúc; trong khi giáo viên thiếu thời gian và tài liệu nên chủ yếu sử dụng bài tập có sẵn, khiến hệ thống bài tập chưa đa dạng và chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển năng lực viết đoạn văn biểu cảm.

2.2.6. Nhu cầu của giáo viên đối với việc xây dựng hệ thống bài tập

Kết quả khảo sát cho thấy 51,4% giáo viên đánh giá "Rất cần", 40% đánh giá "Cần", 8,6% đánh giá "Bình thường" và không có giáo viên nào chọn "Không cần" đối với việc xây dựng hệ thống bài tập rèn kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm cho học sinh lớp 3. Điều này cho thấy đa số giáo viên có nhu cầu cao về nguồn học liệu phù hợp, đồng thời phản ánh những khó khăn trong quá trình xây dựng và sử dụng bài tập như thiếu tài liệu tham khảo, thiếu thời gian thiết kế, khó lựa chọn nội dung và hạn chế về vốn từ, khả năng biểu đạt cảm xúc của học sinh. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống bài tập khoa học, đa dạng và phù hợp với đặc điểm học sinh lớp 3 là cần thiết để nâng cao hiệu quả dạy học viết đoạn văn biểu cảm.

2.3. Thực trạng kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm của học sinh lớp 3

Để thu thập dữ liệu, học sinh thực hiện hai đề bài: (1) viết đoạn văn bày tỏ tình cảm với cảnh đẹp quê hương và (2) viết đoạn văn bày tỏ tình cảm với một người thân. Bài viết được đánh giá theo các tiêu chí: bố cục, nội dung biểu cảm, dùng từ và viết câu. Kết quả cho thấy học sinh lớp 3 còn gặp nhiều khó khăn trong việc viết đoạn văn biểu cảm, đặc biệt ở lỗi dùng từ và nội dung. Đáng chú ý, số lỗi ở đề tài cảnh đẹp quê hương cao hơn so với người thân, cho thấy học sinh dễ bộc lộ cảm xúc với những đối tượng gần gũi, trong khi còn hạn chế về trải nghiệm và khả năng cảm nhận, diễn đạt đối với cảnh vật.

a. Thực trạng về bố cục đoạn văn biểu cảm

Kết quả khảo sát cho thấy có 33,3% học sinh mắc lỗi bố cục ở đề bài thứ nhất và 16,7% học sinh mắc lỗi ở đề bài thứ hai. Đây là nhóm lỗi phản ánh khả năng tổ chức và triển khai ý trong đoạn văn của học sinh còn hạn chế.

Qua phân tích bài làm, chúng tôi nhận thấy nhiều học sinh chưa nắm vững cấu trúc của một đoạn văn biểu cảm. Một số em chỉ viết các câu rời rạc, thiếu sự liên kết về nội dung và hình thức. Nhiều đoạn văn không có câu mở đầu giới thiệu đối tượng biểu cảm hoặc thiếu câu kết đoạn nhằm khẳng định lại tình cảm, cảm xúc của người viết.

Đặc biệt, phần kết đoạn là phần học sinh thường bỏ qua hoặc thực hiện chưa hiệu quả. Các em thường kết thúc bài viết một cách đột ngột sau khi kể hoặc tả đối tượng mà chưa biết khái quát cảm xúc, chưa biết bày tỏ mong muốn, suy nghĩ hay liên hệ với bản thân. Điều này làm cho đoạn văn thiếu tính hoàn chỉnh và chưa thể hiện được đặc trưng của kiểu văn biểu cảm.

Nguyên nhân của thực trạng trên xuất phát từ việc học sinh lớp 3 mới bắt đầu làm quen với các kiểu văn bản khác nhau nên khả năng tổ chức ý còn đơn giản. Trong quá trình dạy học, học sinh thường được hướng dẫn theo mẫu nên khi gặp đề bài mới, các em còn lúng túng trong việc xây dựng bố cục phù hợp.

b. Thực trạng về nội dung đoạn văn biểu cảm

Lỗi nội dung là nhóm lỗi xuất hiện với tỉ lệ khá cao, đặc biệt ở đề bài biểu cảm về cảnh đẹp quê hương (53,3%). Trong khi đó, ở đề bài biểu cảm về người thân, tỉ lệ này giảm xuống còn 20%.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy nhiều học sinh chưa xác định được trọng tâm biểu cảm của đề bài. Khi viết về cảnh đẹp quê hương, các em thường chỉ kể tên địa điểm hoặc miêu tả một vài đặc điểm bề ngoài mà chưa thể hiện được cảm xúc cá nhân. Nội dung đoạn văn còn sơ sài, nghèo nàn, thiếu chiều sâu và thiếu những chi tiết cụ thể làm cơ sở cho cảm xúc.

Ví dụ, nhiều học sinh chỉ viết: "Quê em có cánh đồng rất đẹp. Em rất yêu quê hương của em." Những câu văn như vậy mới dừng lại ở mức độ thông báo thông tin, chưa thể hiện được cảm xúc chân thực và chưa giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp riêng của đối tượng được nói tới.

Đối với đề bài viết về người thân, học sinh có nhiều trải nghiệm thực tế hơn nên việc tìm ý và bộc lộ cảm xúc thuận lợi hơn. Tuy nhiên, một số em vẫn còn biểu hiện kể lể dài dòng về hoạt động của người thân mà chưa tập trung làm nổi bật tình cảm của mình. Nội dung đoạn văn vì thế mang tính tự sự hoặc miêu tả nhiều hơn là biểu cảm.

Kết quả này cho thấy học sinh chưa được rèn luyện thường xuyên các hoạt động quan sát, cảm nhận và diễn đạt cảm xúc; vốn sống và vốn trải nghiệm của các em còn hạn chế nên chưa đủ cơ sở để hình thành những cảm xúc sâu sắc khi viết.

c. Thực trạng về sử dụng từ ngữ

Lỗi dùng từ là nhóm lỗi phổ biến nhất, với 66,7% học sinh mắc lỗi ở đề bài thứ nhất và 33,3% ở đề bài thứ hai. Học sinh còn hạn chế về vốn từ, đặc biệt là từ ngữ biểu cảm, thường lặp lại các từ như "rất yêu", "rất thích", "rất đẹp" và lặp nhiều lần các cụm từ như "mẹ em", "bà em", "quê em", khiến đoạn văn đơn điệu. Một số em còn dùng từ chưa phù hợp với ngữ cảnh, chẳng hạn dùng "kính trọng" thay cho "quý mến" khi nói về bạn bè. Bên cạnh đó, lỗi chính tả như nhầm lẫn r/d/gi, ch/tr, s/x, l/n cũng khá phổ biến, làm giảm hiệu quả diễn đạt cảm xúc.

d. Thực trạng về viết câu và liên kết câu

Kết quả khảo sát cho thấy 40% học sinh mắc lỗi viết câu ở đề bài thứ nhất và 16,7% ở đề bài thứ hai. Các lỗi phổ biến gồm: thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ, dùng dấu câu chưa hợp lí, câu rườm rà hoặc quá ngắn, diễn đạt chưa rõ ý. Học sinh cũng chưa biết sử dụng các phương tiện liên kết câu, khiến đoạn văn thiếu mạch lạc, đồng thời ít vận dụng các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa nên lời văn còn khô khan. Nhìn chung, dù đa số học sinh đáp ứng yêu cầu về số lượng câu, các em vẫn gặp khó khăn trong việc tổ chức ý, bộc lộ cảm xúc và diễn đạt bằng ngôn ngữ biểu cảm. Nhiều bài viết còn thiên về kể hoặc tả, chưa thể hiện được tình cảm chân thực và thiếu tính sáng tạo, hình ảnh.

III. KẾT LUẬN

Những kết quả khảo sát trên cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống bài tập phát triển năng lực viết đoạn văn biểu cảm cho học sinh lớp 3 theo hướng tiếp cận năng lực. Hệ thống bài tập cần tập trung vào việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề, quan sát đối tượng, tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn văn theo quy trình, đồng thời rèn luyện kĩ năng tự đánh giá và chỉnh sửa bài viết.

Việc xây dựng hệ thống bài tập như vậy hoàn toàn phù hợp với định hướng đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó hoạt động viết không chỉ nhằm tạo ra sản phẩm ngôn ngữ mà còn giúp học sinh hình thành năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, năng lực sáng tạo và khả năng bộc lộ cảm xúc một cách tự nhiên, chân thực và hiệu quả.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chu Thị Thủy An (2017), Phát triển năng lực lập luận cho học sinh tiểu học khi viết văn miêu tả, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Chu Thị Thủy An (2017), Giáo trình Ngữ dụng học, Nxb Đại học Vinh, Nghệ An.

Chu Thị Thủy An, Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Chu Thị Lộc An (2024), "Phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5 qua quá trình luyện viết đoạn văn, bài văn", Tạp chí Khoa học trường Đại học Vinh, tập 53, Số đặc biệt tháng 8/2018.

Chu Thị Thủy An (2025), Luyện viết đoạn văn, bài văn lớp 4, Nxb Đại học Huế.

Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2013), Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ tiểu học, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Bộ GD & ĐT (2018), Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Hà Nội.

Bộ GD & ĐT (2018), Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, Hà Nội.

Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng (2022), Tiếng Việt 3 tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống), Nxb Giáo dục Việt Nam.

Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm (2022), Tiếng Việt 3 tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống), Nxb Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền (2022), Tiếng Việt 3 tập 1 (Chân trời sáng tạo), Nxb Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền (2022), Tiếng Việt 3 tập 2 (Chân trời sáng tạo), Nxb Giáo dục Việt Nam.

Lê Phương Nga (2013), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Nguyễn Minh Thuyết, Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng (2022), Tiếng Việt 3 tập 1 (Cánh Diều), Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

Nguyễn Minh Thuyết, Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tỉnh (2022), Tiếng Việt 3 tập 2 (Cánh Diều), Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

Nguyễn Trí (2009), Dạy Tập làm văn ở trường Tiểu học, Nxb Giáo dục Việt Nam.